

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/DSPT

Ngày: 24 -5-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Toàn

Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan -

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐ - PT ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nông Văn D; Sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nông Văn D,Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T cử: Ông Nguyễn Đình S – Luật sư Cộng tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn T; Sinh năm 1964, (có mặt).

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hà Văn T: Ông Bùi Văn L – Luật sư, Cộng tác viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T, (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nông Văn H; Sinh năm 1968, (có mặt).

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Ông Nông Quang T1, (vắng mặt).

3.3 Ông Nông Văn V, (vắng mặt).

3. 4 Bà Ma Thị L1, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện theo ủy quyền cho ông T1, ông V và bà L1: Ông Nông Văn D; Sinh năm 1977, (có mặt).

3.5. Bà Ma Thị H1, (vắng mặt).

- Đại diện theo ủy quyền cho bà H1: Ông Hà Văn T; Sinh năm 1964, (có mặt).
Địa chỉ: xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị S1 - Chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn D1 - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Hà Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nông Văn D trình bày:

Ông Nông văn D2 khởi kiện ông Hà Văn T người cùng xóm tranh chấp đất đai với gia đình ông diện tích 450m² tại thửa đất số 454 tờ bản đồ số 2 xã N đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 688020 cho vợ chồng ông ngày 14/10/2013 tổng diện tích thửa đất 4.274 m² thuộc xóm B, xã N, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Nguồn gốc đất là do bố mẹ ông khai phá để trồng chè, cây cọ, cây gồi. Sau khi bố, mẹ ông chết, ông là người quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất của bố, mẹ để lại trong đó có thửa đất hiện nay đang tranh chấp với ông T.

Tháng 11/2021 ông T đã mang máy xúc vào san ủi mở rộng nền nhà và làm đường đã lấn chiếm vào đất của ông, ông đã nói chuyện với ông T nhiều lần nhưng ông T không nghe, sự việc đã được ban xóm, UBND xã và Hòa giải viên tại Tòa án hòa giải giải quyết nhưng ông T vẫn không nhất trí trả lại cho ông diện tích đã lấn chiếm. Hiện nay trên đất tranh chấp gia đình ông chỉ bảo vệ chăm sóc các cây tạp mọc tự nhiên gồm cây vải, bông, mít, trám, cọ, tre, ngoài ra còn có 02 ngôi mộ của bố mẹ để ông cải táng trên thửa đất đó. Theo biên bản thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 454 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã N của gia đình ông là 425m², trên đất có 01 cây trám, 01 cây cọ, 01 cây mít, 01 cây bưởi. Ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông T trả lại cho ông diện tích đất tranh chấp 425m² và cây trồng trên đất cho gia đình ông quản lý sử dụng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ CH 00824 ngày 30/01/2018; Hồ Sơ kỹ thuật thửa đất; Sổ hộ khẩu gia đình; Chứng minh nhân dân (Đều là bản photo công chứng); Hồ sơ giải quyết tranh chấp do UBND xã N lập.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nông Văn D, bà Lê Thúy H2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T:* Căn cứ vào yêu cầu của ông D, tài liệu chứng cứ ông D đã giao nộp, các biên bản xác minh, thẩm định, định giá, ý kiến của đại diện UBND huyện V xác định diện tích đất tranh chấp giữa ông D và ông T là 425m² đất nằm trong thửa đất số 454, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 2 xã N ông D và vợ là Ma Thị L1 đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật xem xét, giải quyết buộc ông T trả lại cho ông D diện tích đất tranh chấp là 425m² và cây trồng trên đất cho gia đình ông D quản lý sử dụng.

Bị đơn ông Hà Văn T trình bày:

Gia đình ông có mảnh đất thuộc thửa 471, tờ bản đồ số 02 xã N diện tích 3.484 m² đã được UBND huyện V cấp ngày 14/10/2013. Năm 1990 ông làm nhà và đóng thuế cho Nhà nước, khi làm nhà, phía trước nhà nhìn lên phía bên trái khoảng 10m, phía sau khoảng 20m có bãi cọ nhà ông D (do mẹ ông D trồng) hiện nay gốc cọ vẫn

còn. Diện tích phía bên trái nhà ông vẫn đang sử dụng từ năm 1990, ông có làm 01 chuồng trâu và trồng một số loại cây ăn quả. Năm 2010 ông bán hết trâu và dỡ chuồng không nuôi nữa. Năm 2007 xảy ra tranh chấp giữa ông và ông D phần diện tích đất phía bên trái nhà. Năm 2008 UBND xã N đã hòa giải, 2 bên gia đình đã thỏa thuận cắm mốc làm hào để quản lý và cam kết 2 bên không được trồng cây lâu năm trên phần đất đang tranh chấp nhưng ông D không thực hiện mà vẫn trồng keo làm ảnh hưởng đến mái nhà và hoa màu của ông. Năm 2021 thực hiện dự án chống sạt lở, ông có thuê máy móc mức đất phía trái và đằng sau nhà để đất không lở xuống mái nhà thì xảy ra tranh chấp. Toàn bộ số cây ăn quả gồm: 01 cây cọ, 01 cây vải, 01 cây bưởi, 01 cây trám và 01 cây mít đều do ông trồng từ năm 1990, 03 bụi tre là do mẹ ông D trồng làm cọc rào sau 30 năm phát triển lên thành bụi tre. Hiện tại 03 bụi tre đang nằm trong diện tích bãi chèn của ông nhưng ông không quản lý. Năm 2021, ông Nông Văn T2 (anh trai ông D) bán cả gốc cho người buôn chỉ còn hơn chục cây đã đổ xuống nhà ông nên ông chặt. Nay ông D đề nghị ông trả lại diện tích đất đang tranh chấp 425m² và cây trồng trên đất ông không đồng ý vì đất đó thuộc thửa đất số 471 tờ bản đồ địa chính số 2 xã N gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Hà Văn T, ông Bùi Văn L – Luật sư, Cộng tác viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T:* Tại đơn khởi kiện, ông Nông Văn D là nguyên đơn cho rằng từ năm 2021 ông Hà Văn T đã cho máy xúc vào phần đất tại thửa số 454 để làm đường đi nên xảy ra tranh chấp. Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và lời khai của hai bên tranh chấp, Tòa án đã yêu cầu đo đạc hiện trạng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào bản đồ đo đạc của Nhà nước để xác định quyền sử dụng đất của mỗi bên và giải quyết như sau:

- Diện tích chồng lấn giữa hai bản đồ lâm nghiệp và bản đồ nông nghiệp là 96,3 m² cần ưu tiên giao cho chủ sử dụng đất của thửa đất số 132. Mặt khác, đây là phần đất giáp ranh giữa phần đất cao hơn với ngôi nhà sàn của ông Hà Văn T, nên giao quyền sử dụng cho ông T để chủ động phòng chống sạt lở, loại trừ mối nguy hiểm cho con người và tài sản của gia đình ông T.

- Các vị trí số 1 và số 2 thể hiện trên trích đo hiện trạng tháng 3/2023 của Công ty TNHH H3 giao cho ông Nông Văn D là chủ sử dụng đất thửa đất số 454 được quyền sử dụng.

- Các vị trí số 3, 4, 5, 6 nêu trên giao cho ông Hà Văn T là chủ sử dụng đất các thửa đất 471 và 132 được quyền sử dụng. Tổng diện tích của 4 vị trí là 355,3 m².

- Xác định ranh giới giữa thửa đất số 454 với thửa số 132 là điểm nối giữa các điểm 12,11,d,c,b,a,32. Ranh giới giữa thửa đất số 454 với thửa số 471 là điểm nối giữa các điểm 12,16,19.

- Giao trách nhiệm cho các đương sự liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nông Văn H trình bày: Ông là anh trai ruột của ông D, ông T là người cùng xóm. Ông D khởi kiện ông T người cùng xóm tranh chấp đất đai tại thửa đất số 454 tờ bản đồ số 2 xã N diện tích đất này em ông đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích tranh chấp khoảng 450m². Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp với ông T trước đây do bố mẹ ông khai phá để trồng chè,

cây cọ, cây gồi (bố mẹ ông hiện nay đã chết). Sau khi bố mẹ chết anh em ông cùng quản lý sử dụng và thống nhất giao cho em trai là Nông Văn D đi kê khai xin cấp quyền sử dụng đất thửa đất trên của bố mẹ để lại. Năm 2013 vợ chồng anh D được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 11/2021 ông T đưa máy móc mở rộng nền nhà và làm đường đã lấn chiếm vào đất của vợ chồng em ông, anh D em ông cũng đã nói chuyện với ông T nhiều lần nhưng ông T không nghe nên ông D đã làm đơn khởi kiện ông T. Quá trình giải quyết ở xã ông cũng được triệu tập đến để giải quyết vụ án. Trên diện tích đất tranh chấp hiện nay có cây vải, bông, mít, trám, cọ, tre một số cây do bố mẹ ông trồng từ trước và một số cây do ông D trồng. Ngoài ra còn có 02 ngôi mộ của bố mẹ để ông trên thửa đất đó. Nay ông D và ông T xảy ra tranh chấp ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T trả lại cho ông D diện tích đất đang tranh chấp 425m² và cây cối trên đất tranh chấp cho gia đình ông D quản lý sử dụng.

- Ông Nông Quang T1, bà Ma Thị L1 và ông Nông Văn V (ủy quyền cho ông Nông Văn D): Theo bản tự khai tại Tòa án, ông Nông Quang T1, bà Ma Thị L1 và ông Nông Văn V có ý kiến như ông D. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông T trả lại cho ông D diện tích đất đang tranh chấp khoảng 450m² và cây cối trồng trên đất tranh chấp cho gia đình ông D quản lý sử dụng.

- Bà Ma Thị H1 (ủy quyền cho ông Hà Văn T): Theo bản tự khai tại Tòa án và có ý kiến như ông Hà Văn T đã khai.

- Tại bản tự khai ngày 12/5/2023 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của UBND huyện V ông Hà Văn D1 trình bày: Sau khi nghiên cứu nội dung vụ việc, ông có ý kiến như sau:

Tổng diện tích đất tranh chấp xác định được 684 m² giữa ông Nông Văn D và ông Hà Văn T trú tại xóm B, xã N, trong đó có 425 m² thuộc thửa đất số 454 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Văn D và bà Ma Thị L1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 688020, do UBND huyện V cấp ngày 14/10/2013.

- Diện tích 993 m² của thửa đất số 132 tờ bản đồ địa chính đất nông nghiệp số 26 xã N trong đó có 140 m² đất ở đã được UBND huyện V cấp GCNQSD đất số BB 085233 ngày 14/10/2013 cho ông Hà Văn T và bà Ma Thị H1. Diện tích 853m² đất còn lại tại thửa đất số 132 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức hay cá nhân nào.

- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 02 hộ theo trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật đất đai 2003 và 2013. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không bị thu hồi, không bị quy hoạch sử dụng vào mục đích công cộng, dự án nào theo Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện V thời kỳ 2021 – 2030.

- Kiểm tra ghép biên bản đồ địa chính đất lâm nghiệp đo đạc năm 2007 và bản đồ địa chính đất nông nghiệp có sự ghép biên bị chồng lên nhau một phần diện tích, không khớp ranh giới.

Từ những nội dung trên, quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện đối với nội dung vụ án như sau:

1. Đối với diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 454 tờ bản đồ địa chính

đất lâm nghiệp số 02 xã N đã được đo đạc bản đồ địa chính năm 2007 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Văn D và bà Ma Thị L1 đề nghị xem xét công nhận cho ông Nông Văn D và bà Ma Thị L1.

2. Đối với diện tích đất còn lại 853 m² trong thửa đất số 132 tờ bản đồ đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức hay cá nhân nào, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Đối với việc đo đạc bản đồ địa chính có sự ghép biên không thống nhất, đề nghị cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý bản đồ địa chính theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn D về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với ông Hà Văn T.

1. Buộc ông Hà Văn T trả cho ông Nông Văn D quyền sử dụng 425m² đất có rừng sản xuất có vị trí tại thửa 454 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 688020, sổ vào sổ cấp giấy CH 00192 ngày 14/10/2013.

Theo bản trích đo hiện trạng tháng 3/2023 có các vị trí cụ thể như sau:

- Vị trí 1: Từ điểm 1 đến điểm 36, 1. Diện tích 386,9m².

- Vị trí 2: Từ điểm 16 đến điểm 19, 16. Diện tích 38,1m².

Có trị giá theo biên bản định giá tài sản ngày 16/5/2023 là 5.100.000 đồng.

(có trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

Công nhận quyền sở hữu tài sản trên đất tranh chấp là của ông Nông Văn D gồm các loại cây: 01 cây Trám có đường kính gốc 40cm có trị giá 1.200.000 đồng; 01 cây Cọ (Gồi) có đường kính gốc 50cm có trị giá 70.000 đồng; 01 cây Mít có đường kính gốc 40cm có trị giá 2.000.000 đồng; 01 cây Bưởi đã cho quả có trị giá 520.000đồng. Tổng trị giá tài sản trên đất tranh chấp là: 3.790.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2023 ông Hà Văn T kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác minh việc đo đạc bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2007 đối với thửa đất ông Nông Văn D, việc đo đạc Bản đồ địa chính đất Nông Nghiệp năm 2015 đối với diện tích đất nhà ông đúng hay sai? Khi đo bản đồ địa chính đất nông nghiệp năm 2015 ông T đã chỉ ranh giới theo đúng ranh giới là rãnh hào đã hoà giải năm 2008, nhà ở từ năm 1990 có trước thời kỳ đo đạc các bản đồ nêu trên. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác minh nguồn gốc đất sử dụng của nguyên đơn, bị đơn và tài sản trồng trên đất. Trong biên bản xác minh tại UBND xã N và công văn 1124 ngày 10/5/2023 của UBND huyện V đã xác định việc ghép bản đồ bị trùng lấn, đề nghị xét xử công tâm khách quan để đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông T trình bày các căn cứ kháng cáo: Ông T cho rằng gia đình ông đã sử dụng diện tích đất có tranh chấp với ông D từ lâu, nhà nước cấp đất cho ông D là không đúng, ông T không nhất trí trả đất cho ông D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Văn T trình bày quan điểm bảo vệ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguồn gốc sử dụng đất của ông T từ năm 1990, khi dẫn đặc bản đồ thì gia đình ông D đã chỉ ranh giới nên ông D được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Đề nghị công nhận cho ông T được quyền sử dụng đất, trường hợp không có căn cứ thì đề nghị công nhận đối với diện tích 96m² đất gần đầu nhà sàn cho ông T để an toàn cho gia đình ông T sinh sống.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nông Văn D trình bày quan điểm bảo vệ và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hà Văn T làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn D và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp giữa gia đình ông Nông Văn D và gia đình ông Hà Văn T có diện tích là 425 m² thuộc một phần của thửa đất số 454 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Văn D và bà Ma Thị L1 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 688020, do UBND huyện V cấp ngày 14/10/2013. Căn cứ các tài liệu chứng có trong hồ sơ cho thấy: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nông Văn D đảm bảo đúng quy định và được Ủy ban nhân huyện V xác định đối với diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 454 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã N đã được đo đạc bản đồ địa chính năm 2007 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Văn D và bà Ma Thị L1 đề nghị xem xét công nhận cho ông Nông Văn D và bà Ma Thị L1. Không có căn cứ nào chứng minh diện tích đất tranh chấp nêu trên là của gia đình ông Hà Văn T.

Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn D. Buộc ông Hà Văn T trả cho ông Nông Văn D quyền sử dụng 425m² đất có rừng sản xuất có vị trí tại thửa 454 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 xã N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 688020, số vào sổ cấp giấy CH 00192 ngày 14/10/2013 là có căn cứ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Hà Văn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được chuyển từ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0003553 ngày 01/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Võ Nhai;
- THADS huyện Võ Nhai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương